TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2024/DS-PT
Ngày: 14-8-2024

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tâm;

Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đoàn Thị Thuỷ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 340/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị M (X), sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Diễm H, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền ngày 10-11-2023), có mặt;

2. Bị đơn:

2.1. Bà Võ Thị Kiều D, sinh năm 1965;

2.2. Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1994;

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16-10-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị M *trình bày:*

Bà cho bà D và chị T con ruột bà D vay tiền nhiều lần, cụ thể các khoản vay sau:

- Ngày 13-9-2020 âm lịch bà D vay số tiền 10.000.000 đồng;

- Ngày 18-02-2022 bà D vay số tiền 200.000.000 đồng;

- Ngày 19-3-2022, bà D vay số tiền 100.000.000 đồng;

- Ngày 03-8-2022, bà D vay số tiền 100.000.000 đồng, có viết giấy nợ, bà D ký tên và ghi họ tên;

- Ngày 27-3-2023 bà D vay số tiền 300.000.000 đồng;

- Ngày 28-3-2023 bà D vay số tiền 140.000.000 đồng

- Ngày 01-5-2023 âm lịch bà D vay số tiền 700.000.000 đồng;

Các lần vay tiền, bà D đều viết giấy nợ cho bà, riêng khoản 200.000.000 đồng vay ngày 18-02-2022 bà D và chị T cùng ký tên.

Khoản vay 10 triệu ngày 13-9-2020 al không tính lãi, đến ngày 18-01-2022 al cho vay thêm 200 triệu thì bắt đầu tính lãi với lãi suất 3%/tháng tương đương 6 triệu đồng/tháng, bà nhận lãi được 02 tháng tương đương số tiền 12 triệu đồng, sau đó giảm tiền lãi xuống còn 5 triệu/tháng. Các khoản tiền bà cho vay sau đó đều không tính lãi, mỗi tháng bà chỉ nhận 5 triệu đồng tiền lãi cho đến ngày 30-4-2023 al thì ngưng cho đến nay.

Nay bà yêu cầu bà D, chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 1.550.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01-5-2023 âm lịch.

Bị đơn - bà Võ Thị Kiều D *trình bày*: Bà vay tiền của bà M nhiều lần, tổng số tiền bà vay của bà M là 700.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 18-10-2022 al, vay số tiền 200 triệu, bà và chị T ký tên, tiền lãi tính mỗi ngày 800.000 đồng.

Ngày 17-02-2022 al, vay 100 triệu, tiền lãi 400.000 đồng/ngày.

Ngày 07-7-2022 al, vay 100 triệu, bà M nói trừ 40 triệu tiền lãi, bà M chỉ đưa bà 60 triệu, tiền lãi cũng 400.000 đồng/ngày.

Ngày 27-3-2023, vay của bà M 300 triệu, bà xin bà M đóng tiền lãi 2 triệu/ngày của tổng cộng các khoản vay.

Đến ngày 28-3-2023 al, cộng tiền lãi bà còn nợ bà M 140 triệu tiền lãi nên ghi giấy nợ 140 triệu, đây là tiền lãi, không phải tiền gốc.

Đến ngày 01-5-2023 al, bà M yêu cầu bà viết giấy nợ chốt lại số tiền 700 triệu, nhưng khi chốt nợ bà M không đưa lại cho bà các giấy nợ trước đây. Khi bà viết giấy nợ không bị cắt xén, chỗ bị cắt xén là bà viết nội dung "tổng cộng số tiền 700 triệu", bà M cắt nội dung này vì giấy nợ do bà M giữ. Khoản nợ 10 triệu ngày 13-9-2020 al là tiền góp bà đã trả xong.

Tiền lãi thoả thuận 100.000.000 đồng thì tiền lãi mỗi ngày là 400.000 đồng.. Các ảnh chụp tin nhắn thể hiện bà M đòi tiền lãi hằng ngày, bà yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả cho bà M vào số nợ gốc, còn lại bao nhiêu thì bà đồng ý trả cho bà M.

Chị Nguyễn Thị Kim T *trình bày*: Chị và bà D mẹ của chị có ký giấy vay tiền của bà M số tiền 200.000.000 đồng để mở tiệm tạp hoá. Các lần vay còn lại của bà D chị không biết. Đến khi mẹ chị chốt lại số nợ 700.000.000 đồng và trả lãi 2.000.000 đồng/ngày thì chị mới biết. Mẹ chị lén lút lấy tiền bán tạp hóa để trả lãi cho bà M, chị nghi ngờ tiền bán tạp hóa hao hụt nên mới theo dõi, chị đòi tự bán không giao cho mẹ nữa thì mẹ không đồng ý. Từ đó mẹ chị mới thừa nhận với chị là trả tiền lãi cho bà M cho khoản vay 700.000.0000 đồng. Chị đồng ý cùng chịu trách nhiệm với mẹ chị trả cho bà M số tiền 700.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 *của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc bà Võ Thị Kiều D và chị Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị M số tiền 764.301.333 (*bảy trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm ba mươi ba*) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi là 64.301.333 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chập thi hành án, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27-5-2024, nguyên đơn bà M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên toà:*

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng: Hai bên đương sự thống nhất bà D có viết các giấy nợ gồm:

- Ngày 13-9-2020 âm lịch bà D vay số tiền 10.000.000 đồng;

- Ngày 18-02-2022 bà D vay số tiền 200.000.000 đồng;

- Ngày 19-3-2022, bà D vay số tiền 100.000.000 đồng;

- Ngày 03-8-2022, bà D vay số tiền 100.000.000 đồng, có viết giấy nợ, bà D ký tên và ghi họ tên;

- Ngày 27-3-2023 bà D vay số tiền 300.000.000 đồng;

- Ngày 28-3-2023 bà D vay số tiền 140.000.000 đồng

Tổng số tiền theo các giấy nợ là là 850.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà D cho rằng ngày 28-3-2023, bà còn nợ tiền lãi của bà M số tiền 140.000.000 đồng nên mới viết giấy nợ 140.000.000 đồng, đây là tiền lãi. Bà M cho rằng bà D nợ số tiền 200.000.000 đồng trả được 60.000.000 đồng nên bà D viết giấy nợ 140.000.000 đồng nhưng khoản nợ 200.000.000 đồng này không phải là khoảnnợ vay ngày 18-02-2022, bà D không giải thích được số tiền 60.000.000 đồng bà M trả cho khoản nợ vay khi nào, do đó, lời trình bày của bà D cho rằng số tiền 140.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 28-3-2023 là tiền lãi là có căn cứ.

[2] Đối với khoản vay 700.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 01-5-2023 (al), bà D cho rằng trước khi bà M đi nước ngoài, hai bên chốt nợ 700.000.000 đồng và ghi lại giấy nợ nhưng bà M không trả lại các giấy nợ cũ nên bà có ghi vào giấy nợ mới nội dung "tổng số tiền vay bảy trăm triệu đồng", nội dung này đã bị bà M cắt ra khỏi giấy nợ. Tại cấp sơ thẩm, bà M không trình bày lý do giấy nợ bị cắt 01 phần nhưng tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bà M trình bày giấy nợ có phần bị cắt trước khi bà M đưa cho bà D viết nội dung nên không có nội dung *"tổng số tiền vay bảy trăm triệu đồng"* như bà D trình bày. Xét thấy, giấy nợ là chứng cứ trực tiếp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị cắt xén, nguyên đơn, bà M không chứng minh được giấy nợ bị cắt trước khi đưa cho bà D viết, nên tài liệu này không đủ cơ sở để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự thừa nhận có trao đổi với nhau về việc vay tiền, đòi tiền, trả tiền lãi thông qua tin nhắn trên mạng xã hội zalo, facebook. Qua xem xét các bản chụp màn hình tin nhắn bà D cung cấp,

được bà M thừa nhận, thể hiện: trước thời điểm bà D viết giấy nợ ngày 01-5-2023 (al), bà M nhiều lần đòi tiền vay, tiền lãi nhưng bà D vẫn không thanh toán được khoản tiền nào, nên việc bà M tiếp tục cho bà D vay số tiền 700.000.000 đồng là không phù hợp với thực tế.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa đề nghị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm dân sự: Bà M được miễn nộp án phí PTDS theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc bà Võ Thị Kiều D và chị Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị M số tiền 764.301.333 (*bảy trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm ba mươi ba*) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi là 64.301.333 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất *quy định tại khoản 2 Điều 468 c*ủa Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M đối với yêu cầu trả số tiền 850.000.000 đồng.

3. Án phí:

Bà D, chị T phải chịu 34.572.053 (*ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn không trăm năm mươi ba*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà M được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hánh án dân sự.

Nơi nhận:
-TANDCC;
- VKSND tỉnhTây Ninh;
- TAND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Hồng Mai